

Chuyện Tháng Tư Đen

© Giáo Sư Lâm Văn Bé

Source: © baovecovang2012.wordpress.com

Contents

Phần I.....	1
Phần II.....	8
Phần Kết.....	14

Phần I

<https://baovecovang2012.files.wordpress.com/2013/04/30041975.jpg>



Bản quyền hình ảnh baovecovang2012.

Lịch sử nhiều khi bị thay đổi. Không phải vì sự kiện lịch sử thay đổi, nhưng sự kiện lịch sử khi được tường thuật, nhận định, lại bị thay đổi bởi chính kiến, thành kiến, tư lợi.

Khi xưa, sử quan viết sử để phục vụ cho một triều đại cầm quyền, hôm nay người viết sử hay nghiên cứu sử lại bị quyền lợi cá nhân hay phe nhóm chi phối. Đem tâm tình viết lịch sử và đọc lịch sử là chuyện muôn đời.

Sự gian trá, ngụy tạo tài liệu lịch sử lại càng trầm trọng hơn với thông tin điện tử. Thông tin trên internet hôm nay là sản phẩm đôi khi của tưởng tượng, nếu không là sự lập lại thành thật những dữ kiện đã bị nhào nặn, vô tình hay cố ý qua các trung gian.

Dĩ nhiên, chúng ta không thể đa nghi về mọi sự việc, nhưng đôi khi, việc sử dụng óc phân tích, sự thông minh để phân biệt hư thực là điều cần thiết.

Nhân ngày 30 tháng tư, chúng tôi muốn ghi lại những biến cố quan trọng của **Tháng tư đen** từ một số tài liệu và hồi ký viết bởi các tác giả người Mỹ, Pháp, và nhất là người VN, để xem chỉ một tháng thôi, sự kiện lịch sử đã được tường thuật và nhận định khác biệt thế nào bởi ngay những chứng nhân hay tác nhân của các biến cố.

— **4 tháng tư:** Trần Thiện Khiêm từ chức (Todd, p.237), [nhưng theo Hoàng Đông, tr. 356 thì Khiêm từ chức ngày 2] và đề nghị một danh sách người kế nhiệm là Trần Văn Đổ, Nguyễn Ngọc Huy, Trần Văn Lắm. Sau khi cân nhắc, ngày 5, TT Thiệu mời Nguyễn Bá Cẩn đứng ra lập nội các chiến tranh (Viên, tr.218) nhưng phải chờ đến ngày 14 tháng 4, tân thủ tướng mới trình diện được nội các với Tổng Thống Thiệu.

- Theo Nguyễn Tiến Hưng trong Khi Đồng Minh tháo chạy “Trong suốt buổi lễ, ông Thiệu tỏ ra căng thẳng, vẻ mặt xanh xao, dường như những biến cố vừa qua đã tiêu hao hết nghị lực của ông bởi Cộng Sản(CS) đã tiến gần đến Phan Rang, nơi sinh trưởng của ông” (Hưng, tr. 310).

- Theo Snapp, giới chính trị đứng dưng vì đó chỉ là bình phong vì mọi việc do TT Thiệu quyết định, còn Polgar, trưởng phòng CIA tại Saigon thì hài lòng vì một tổng trưởng

quan trọng của nội các là nhân viên của CIA (Snepp, tr. 232).

- Theo Trần Văn Đôn, mặc dù ông chấp nhận chức vụ Phó Thủ Tướng, nhưng ông đã nhận định ông Thủ Tướng của ông «không phải là người của tình thế, không phải là người dốc tâm dốc sức để giải quyết cơn bệnh đã đến hồi ngặt nghèo của VNCH» (Đôn, tr. 447)

- Bùi Diễm, đại sứ VN tại Mỹ tỏ ra xem thường ông Cẩn cho là “một người mà tất cả Saigon biết rằng chẳng có quyền hành gì” (Diễm, tr. 560)

– **8 tháng tư:** Trung Úy KQ/VNCH “trở cờ” Nguyễn Thành Trung lái F-5 oanh tạc dinh Độc Lập rồi đáp xuống phi trường Nha Trang (Đà Nẵng, theo Darcourt, Phước Long, theo Lý Quý Chung) đã do CS kiểm soát. Báo chí Saigon lúc ấy đăng tin Trung là người bị khủng hoảng tâm thần nhưng CS xác nhận Trung là đảng viên CS đã được gài vào Không quân Saigon, được tu nghiệp ở Hoa Kỳ từ năm 1969 đến 1972.

Sau này, năm 1996, Trung là phi công trưởng lái chiếc Boeing 767 đưa chủ tịch Lê Đức Anh qua New York dự lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Liên Hiệp Quốc.

Cuộc oanh tạc gây ra nhiều hoang mang trong dân chúng và quân đội như Kỳ đảo chánh hay TT Thiệu tạo đảo chánh giả để bắt các phe đối lập.

Cùng lúc ấy, tại Hà nội, Phạm Văn Đồng tiếp kiến Đại sứ Pháp Philippe Richer đề cập đến viễn tượng hợp tác với Pháp trong việc khai thác các mỏ dầu ở miền Nam, thay thế các chuyên viên Hoa Kỳ. Tổng Thống Pháp Giscard d’Estaing chỉ thị cho đại sứ Jean- Marie Mérillon tại Saigon tích cực thăm dò và bày tỏ lập trường của Pháp bên cạnh các nhà lãnh đạo VNCH và đại sứ Mỹ Graham Martin.

– **9 tháng tư:** CS bắt đầu chiến dịch đại tấn công với 16 sư đoàn được tổ chức thành 4 quân đoàn, và một lực lượng yểm trợ hùng hậu gồm 1 sư đoàn pháo binh, 2 lữ đoàn chiến xa. Quân đoàn 4 gồm 3 sư đoàn do Trần Văn Trà chỉ huy gồm SĐ 341 (sư đoàn này tân lập, nhiều quân sĩ mới gia nhập, có nhiều lính dưới 18 tuổi), SĐ 4, SĐ 7, tấn công Xuân Lộc và pháo kích vào Bộ Tư Lệnh Quân Khu 3 và phi trường Biên Hòa. (Snepp, tr. 268)

Nguyễn Hữu An trong Chiến trường mới, thì chi tiết hơn: quân CS có 17 sư đoàn chia ra 5 quân đoàn tấn công Saigon. Quân đoàn 1 do tướng Nguyễn Hòa chỉ huy có 30 000 quân phụ trách vùng Đông Bắc (Lái Thiêu, Bến Cát), quân đoàn 2 do Nguyễn Hữu An chỉ huy có 40 000 quân tấn công vùng Đông Nam, (Long Thành, căn cứ Nước Trong, thành Tuy Hạ), quân đoàn 3 có 46.000 quân do Vũ Lăng làm tư lệnh tấn công vùng Tây Bắc (Trảng Bàng, Hố Môn), quân đoàn 4 do Hoàng Cầm chỉ huy với 30 000 quân đánh hướng đông và đông nam (Xuân Lộc, Biên Hòa, Long Bình), quân đoàn 232 do Lê Đức Anh chỉ huy 42 000 quân đánh hướng Tây Nam dọc theo quốc lộ số 4. (An, tr. 245-47)

Trung đoàn 48 thuộc Sư đoàn 18 BB của tướng Lê Minh Đảo đã anh dũng chống trả, mặc dù CS pháo kích đến 10 ngàn đại pháo trong một ngày (theo Snepp thì 1000, có lẽ hợp lý hơn), nhưng đã đẩy lui được quân CS, và đây là lần đầu tiên sau 3 tháng chiến thắng trên nhiều mặt trận, chiếm được 14 tỉnh, quân CS bị chặn bước tiến. Tướng Trần Văn Trà, trong hồi ký Kết thúc cuộc chiến 30 năm, đã nhìn nhận là ba sư đoàn của Hoàng Cầm bị thiệt hại rất nhiều, Tướng Trà phải tăng viện quân trừ bị của sư đoàn 6 và 7.

– **10 tháng tư:** tướng Cao Văn Viên tăng viện Xuân Lộc: không quân dội bom 750 cân ở cao độ rất thấp, khiến quân CS bị thiệt hại nặng (2000 bị thương và thiệt mạng (Todd tr. 283) nên phải tiếp viện trước khi tái tấn công Xuân Lộc nhằm cắt đứt với Biên Hòa. Theo Nguyễn Khắc Ngữ, con số này là 1000 (Ngữ, tr. 326)

Nhưng chiến thắng Xuân Lộc không tạo được ấn tượng nào trong chính giới Hoa kỳ. Tuy nhiên, Tổng Thống Gerald Ford, trong một bài diễn văn đọc trên đài truyền hình toàn quốc cũng vào ngày 10 tháng 4 yêu cầu Quốc Hội viện trợ quân sự cho VNCH 722 triệu mỹ kim theo đề nghị của tướng Frederick Weyand, tư lệnh lực lượng Mỹ ở VN, và 250 triệu viện trợ dân sự cung cấp phương tiện cứu trợ người tị nạn, nhưng đã bị Thượng Viện, lúc bấy giờ thuộc đảng Dân Chủ không trả lời. Sau đó, ngày 16 tháng 4, TT Ford, trong bài diễn văn đọc trước Hội các nhà biên tập báo chí Hoa Kỳ (American Society of Newspaper Editors) lên án Quốc Hội Hoa kỳ đã bội ước không tôn trọng nghĩa vụ giúp đỡ VNCH trong khi Liên Xô và Trung Cộng gia tăng viện trợ cho Bắc Việt. Để trả lời TT Ford, ngày hôm sau, Thượng Viện biểu quyết không chấp nhận bất cứ một viện trợ quân sự bổ túc nào cho VNCH.

Phải chăng, chính sách chống chiến tranh VN của đảng Dân Chủ là lý do khiến đa số người VN ở Mỹ có ác cảm với đảng Dân Chủ và ủng hộ đảng Cộng Hòa với mọi giá!

Thực ra, tất cả chỉ là **sự lừa dối hào nhoáng**, danh từ mà Neil Sheehan đã đặt tên cho quyển sách của ông, bởi lẽ tuy bề mặt Ford làm ra vẻ như muốn giúp VN, nhưng bên trong, Ngũ Giác Đài tuyên bố đã tuyệt vọng và Tổng Trưởng Quốc Phòng James Schlesinger đã tuyên bố là viện trợ chỉ vì uy tín của Hoa Kỳ: “Chúng ta không thể nào là quốc gia bỏ rơi đồng minh, phản bội lời hứa của chúng ta” (Todd p. 271).

– **Ngày 12 tháng tư:** cuộc triệt thoái của Mỹ trên đất Cao Miên là một báo hiệu cho miền Nam, càng gia tăng thêm cơ sở chính trị và nổi hoang mang lo sợ trong dân chúng.

Lúc 7giờ 45 sáng, ba đoàn trực thăng khổng lồ cất cánh từ hàng không mẫu hạm Okinawa trong vịnh Thái Lan đáp xuống Nam Vang để di tản giới chức Mỹ và Cao Miên của chánh phủ Long Boret.

"Thật là ngạc nhiên và nhục nhã cho người Mỹ, tất cả nội các và đa số nhân vật cao cấp trong chánh quyền Cao Miên từ chối lời mời của Mỹ để di tản như thủ tướng Long Boret, Lon Non (em của Lon Nol), mặc dù những người này có tên trong danh sách bị án tử hình của Khmer Đỏ". (Todd p.274)

Tinh thần kiên cường này đã biểu hiện rõ trong bức thư của Hoàng thân Sirik Matak viết tay bằng tiếng Pháp gửi cho đại sứ Mỹ John Dean.

Thưa ông Đại Sứ,

Tôi thành thật cảm ơn lời mời của Ông định đưa tôi đến bến bờ tự do nhưng tôi không thể nào bỏ đi một cách hèn nhát như vậy.

Đối với Ông và quốc gia vĩ đại của Ông, tôi không bao giờ tưởng tượng được, dù chỉ một phút, các Ông đành lòng bỏ rơi một dân tộc đã chọn lựa chiến đấu cho tự do. Các ông ra đi, tôi xin cầu chúc cho Ông và quốc gia của các ông sẽ tìm được hạnh phúc dưới bầu trời này.

Nhưng các ông nên ghi nhận điều này là tôi sẽ chết ở đây, trên đất nước thân yêu của tôi, và chúng tôi chỉ ân hận đã phạm một sai lầm lớn là đã đặt niềm tin vào các ông và nước Mỹ của

các ông.

Sirik Matak

Vài ngày sau, Kissinger đọc bức thư của Matak cho các thượng nghị sĩ nghe trong bầu im lặng tuyệt đối và nổi bàng hoàng. Và để kết luận, Kissinger vót vát: Là người Mỹ, chúng ta phải làm thế nào để đừng có những bức thư như thế này nữa. (Todd, p.280)

☆ **Cuộc di tản của Mỹ ở xứ chùa Tháp** vẫn không lay chuyển được niềm tin của TT Thiệu về sự sống còn của chế độ VNCH. Sau đây là cuộc đối thoại giữa Hoàng Đức Nhã và TT Thiệu được Todd ghi lại (Todd tr. 276)

- HDN: Chuyện như vậy sẽ xảy đến ở Saigon
- TT Thiệu: Chú tin như vậy?
- HDN: Đúng vậy, nếu CS tập trung lực lượng tấn công chúng ta.
- TT Thiệu: Tôi không tin như vậy và chẳng tin bao giờ như vậy. Ở đây có nhiều yếu tố khác.

☆ **Dương Văn Minh**, người tự nhận là cứu tinh của đất nước, bình thản nhận được tin Nam Vang thất thủ lúc đang uống trà với các bạn tại Đường Sơn Quán, tiệm ăn của tướng Mai Hữu Xuân ở Thủ Đức.

Trả lời câu nói của bạn ông là Tôn Thất Thiện là rồi đây Cộng Sản sẽ vô Saigon, Minh phản đối: Anh không phải là quân nhân, anh chẳng biết gì cả. Phải 6 tháng nữa kìa. (Todd p. 293).

- **Ngày 14-4:** Trần Văn Đôn gặp Đại sứ Martin thông báo là ông vừa tiếp xúc với một đại diện Mặt Trận Giải Phóng và đề cập đến 3 điểm:
 - Đôn có thể thay thế Thiệu,
 - CS không cản trở người Mỹ di tản người Việt,
 - và Hoa kỳ có thể giữ lại một tòa đại sứ nhỏ ở Saigon với điều kiện những viên chức Mỹ phải ra đi.

Trong khi Snepp không tin những tin tức loại này cũng như luận điệu tương tự của đại sứ Pháp Mérillon chỉ vì tham vọng cá nhân cũng như ý đồ của nước Pháp, Martin lại có vẻ tin tưởng. (Snepp tr. 272).

Điều này cũng được Đôn xác nhận trong hồi ký của ông: "Cũng trong ngày 20 tháng tư, lúc 4 giờ chiều, tôi đến gặp đại sứ Martin tại sứ quán, Martin đã nói với tôi: Thật sự lúc đó [trả lời câu hỏi của TT Thiệu] tôi muốn ông [Trần Văn Đôn] làm thủ tướng toàn quyền hơn là ông Minh, nhưng Hà nội chỉ muốn nói chuyện với ông Minh mà thôi" (Đôn, tr. 457)

Không tin chiến thắng sắp đến của CS, mà cũng không hi vọng Quốc Hội Mỹ chấp nhận viện trợ bổ túc. Ngày 15 tháng 4, TT Thiệu cử Nguyễn Tiến Hưng sang Washington vận động với TT Ford xin vay 3 tỷ trong 3 năm, được bảo đảm bằng lợi tức dầu hỏa sắp khai thác ở ngoài khơi, 16 tấn vàng dự trữ, tiềm năng xuất cảng gạo (Hưng, tr. 312).

Nhưng đã quá muộn. Ngày 18 tháng 4, Ủy Ban Quốc Phòng Thượng Viện bỏ phiếu chống việc tăng quân viện cho VNCH và Ủy Ban ngoại giao Thượng Viện cho phép TT

Ford sử dụng quân đội để di tản người Mỹ ra khỏi VN. Quốc Hội đã giúp cho Ford rửa mặt, đặc biệt cho Kissenger khi ông này tuyên bố:

“Cuộc thảo luận về VN nay đã chấm dứt. Hành Pháp Hoa Kỳ đã chấp nhận bản án của Quốc Hội, không hiềm thù, không biện minh và cũng không kháng cáo”.
(Hưng, tr.318)

– **Ngày 17-4:** Nhận lệnh của thượng cấp, Jean-Marie Merillon gặp Dương Văn Minh, hứa hẹn nước Pháp sẽ ủng hộ Minh. Cảm động, Minh bắt tay Merillon ứa lệ, hứa sẽ làm được gì có thể. Minh tin tưởng lá bài trong túi: người em là Dương Văn Nhứt đang ở bên kia.

Sự can thiệp của Pháp vào giờ thứ 25 thật sỗ sàng, làm áp lực với Tổng Thống Thiệu từ chức để thay thế bằng Dương Văn Minh.

Trong khi đó, Saigon xôn xao vì những tin tức hòa bình và chiến tranh trái ngược:

- Bắc Việt không bao giờ tấn công Saigon. Sẽ có một chánh phủ 3 thành phần
- Đặc công đang xâm nhập vào Saigon chuẩn bị cuộc tấn công chiếm đóng
- Sẽ có đảo chánh ở Saigon, ở Hà nội. (Todd p.295).

– **Ngày 18-4:** Merillon gặp Martin thảo luận về việc làm áp lực với TT Thiệu từ chức. Martin đồng ý.

Tinh thần TT Thiệu xuống thấp, tin tức nhiều người thân cận hay đối lập muốn ông từ chức hay đảo chánh, (Cao Văn Viên, Nguyễn Cao Kỳ và tướng lãnh thân cận) mồ mả ông bà bị đập phá ở Phan Rang (điềm chẳng lành vì ông rất tin dị đoan và theo Nguyễn khắc Ngữ, tr. 341, đó là lý do quan trọng khiến ông Thiệu từ chức), ông tự cô lập trong bunker trong dinh Độc Lập, không buồn trả lời cả điện thoại của tòa đại sứ Mỹ.

Về việc đảo chánh, ông Viên đã cực lực đánh chánh trong biên khảo **Những ngày cuối cùng của VNCH:** “Tác giả là một quân nhân thuần túy, không làm chính trị và cũng không có những tham vọng chính trị. Tác giả đã chứng kiến những tai hại của hai vụ đảo chánh trước, nên dù cho có ai rủ đảo chánh, tác giả cũng không làm. Ở đây, tác giả cũng muốn khẳng định những tin tức về tác giả do Frank Snepp viết trong Decent Interval (trang 287, 288, 394, 397) về cá nhân tác giả là những ý nghĩ xuyên tạc, đoán mò” (Viên, tr.217,18)

Việc Nguyễn Cao Kỳ bỏ ý định âm mưu đảo chánh là do hai yếu tố. Trước hết là sự từ chối của các tướng thân cận với ông như Tư lệnh Không Quân Trần Văn Minh, Tư Lệnh Sư Đoàn Dù Lê Quang Lưỡng, Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến Bùi Thế Lân và một số chỉ huy trưởng ở Biệt Khu Thủ đô và Vùng 3 Chiến Thuật. Olivier Todd thuật lại (tr.300):

- Trần Văn Minh: Ông cứ làm đi, bắt tôi làm con tin. Tôi không làm vì Tòa đại sứ Mỹ hứa đưa gia đình tôi sang Mỹ nếu tôi không làm gì.
- Bùi Thế Lân: Tôi không đem binh giúp ông, nhưng chúng tôi không chống.
- Cao Văn Viên: Ông làm đi, nói cho tôi biết ngày giờ, tôi sẽ mở cổng Bộ Tổng Tham Mưu.

Nhưng yếu tố quyết định là sự can thiệp kịp thời của Martin và tướng Charles Timmes. Cuộc đối thoại giữa Kỳ và Martin suốt 2 giờ đã được Timmes thu âm, nhưng tiếc thay,

các sử gia đã không có dịp nghe được tài liệu sống vì cái máy thu âm đã rủi ro bị xóa trong cái cartable của Timmes (Snepp, tr. 295-96)

Trong lúc quân đội gần như tan rã, ông Đôn, với tính cách TT Quốc Phòng “quản thúc 5 tướng lĩnh đã bỏ miền Trung là Lâm Quang Thi, Phạm Quốc Thuần, Phạm Văn Phú, Lâm Quang Thơ và tướng không quân Nguyễn Đức Khánh. Tướng Ngô Quang Trưởng thấy vậy nên cũng xin được quản thúc luôn!” (Đôn, tr.455)

– **Ngày 20-4:** lúc 10 giờ sáng, đại sứ Martin gặp TT Thiệu và cuộc hội kiến kéo dài 1giờ rưỡi. Theo Frank Snepp, nhân viên phân tích của CIA, trong quyển hồi ký Decent Interval (bản dịch tiếng Pháp là Sauve qui peut) tiết lộ rằng ông đã nhận được chỉ thị của Polgar, Giám đốc CIA Saigon, là soạn thảo một bản nhận định càng đen tối càng tốt để theo đó Martin thuyết phục TT Thiệu từ chức. Bản nhận định có đoạn như sau:

“Với sự tan rã của cuộc phòng thủ mặt trận Xuân Lộc và sự tập trung binh đoàn Cộng Sản trong vùng 3 chiến thuật, cán cân lực lượng chung quanh Saigon nay đã nghiêng hẳn về CS. Mặc dù chính phủ có thể tăng viện cho những mục tiêu có thể bị tấn công như Biên Hòa-Long Bình ở phía đông Saigon, các tỉnh Long An-Hậu Nghĩa ở phía Tây hay tỉnh Bình Dương ở phía Bắc, chánh phủ không đủ sức cầm cự được lâu. Saigon sẽ bị cô lập trong vài tuần lễ.”

Frank Snepp còn nói thêm là ông muốn viết chỉ một tuần lễ nhưng Polgar không đồng ý, và cũng theo Snepp, bản nhận định này vẫn còn nằm trên bàn làm việc ở Dinh Độc Lập sau khi TT Thiệu ra đi, do đó khi chiếm Dinh Độc Lập, **CS đã lấy bản nhận định này để đăng nguyên văn trong quyển Đại Thắng mùa xuân của Văn Tiến Dũng.** (Snepp, tr. 299)

Khi TT Thiệu hỏi Martin là nếu ông từ chức thì có thay đổi gì việc viện trợ, Đại sứ Martin trả lời nếu việc này xảy ra cách đây vài tháng thì có thể có thêm được vài phiếu ở Quốc hội, còn bây giờ thì chắc không thay đổi gì. Martin còn đâm nhát dao cuối cùng khi nói thêm “giả dụ như quốc hội Mỹ có chấp thuận việc viện trợ bổ túc cho VNCH đi nữa thì sự viện trợ đó cũng không thể đến kịp thời để làm thay đổi tình thế quân sự tại miền Nam” TT Thiệu nói trước khi buổi họp kết thúc là ông sẽ lấy quyết định dựa theo quyền lợi tối cao của quốc gia (Todd p. 311).

Buổi chiều cùng ngày 20, đến phiên Đại sứ Pháp Merillon đến gặp TT Thiệu. Merillon gần như độc thoại, TT Thiệu ngồi nghe, đôi mắt lạc lõng. Merillon mô tả tình trạng bi đát của chiến trường, ba phần tư lãnh thổ bị mất vào tay CS, do đó kêu gọi trách nhiệm lịch sử, danh dự cá nhân, tình bạn giữa bà Thiệu và bà Mérillon để TT Thiệu lấy một quyết định vì quyền lợi của quốc gia. Kết thúc buổi gặp gỡ, TT Thiệu lửng lơ: Tới đâu hay tới đó –Advienne que pourra (Todd p. 312)

Todd và Snepp không đồng thuận nhau về giờ gặp gỡ: theo Snepp thì Merillon gặp TT Thiệu buổi sáng trước Martin, trái lại Todd cho rằng Merillon gặp TT Thiệu buổi chiều sau Martin. Tuy là một chi tiết nhỏ, nhưng sự kiện tường thuật khác nhau của hai nhà báo Pháp Mỹ có đây thâm ý.

– **Sáng ngày 21,** TT Thiệu mời Phó TT Trần Văn Hương và cựu Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm để báo tin ông quyết định từ chức và yêu cầu Phó TT Hương, chiếu theo hiến pháp thay thế ông (Snepp tr.305), nhưng ông Nguyễn Bá Cẩn trong Đất nước tôi thì trong phiên họp này chính ông có mặt chứ không phải ông Khiêm.

Theo Nguyễn Khắc Ngữ, sở dĩ ông Thiệu chọn ông Hương thay thế vì “ông muốn sau khi từ chức rồi, ông sẽ mang số tài sản khổng lồ đã thu góp được trong thời gian tại chức ra ngoại quốc một cách êm thấm. Nếu ông nhường chức cho phe chủ chiến Nguyễn Cao Kỳ hay phe chủ hòa Dương Văn Minh thì việc ra đi có thể gặp khó khăn...” (Ngữ, tr.341).

Theo Frank Snepp trong Decent Interval thì buổi nói chuyện của ông Thiệu với ông Hương đã bị CIA ở tòa đại sứ nghe lén toàn bộ do đó ngay buổi chiều, trước khi TT Thiệu tuyên bố với quốc dân trên đài truyền hình, phụ tá của trùm CIA Polgar là Tướng hồi hưu Charles Timmes đã đến gặp Dương Văn Minh để dò hỏi nếu người Mỹ loại ông Hương ra khỏi ghế Tổng Thống thì ông Minh có chịu nhận chức vụ này hay không để điều đình với CS. Cũng theo Snepp, ông Minh đồng ý ngay, quả quyết có khả năng thương thuyết với phe bên kia và gởi ngay một đại diện sang Paris để thương thuyết. Timmes trao cho ông Minh 1000 mỹ kim để mua vé máy bay cho sứ giả này, nhưng Snepp cho rằng ông Minh chẳng có gởi ai đi mà cũng chẳng hoàn lại số tiền, và đại sứ Martin không được báo cáo về buổi gặp gỡ này (Snepp, p.305)

– **Tối ngày 21**, lúc 19 giờ rưỡi, TT Thiệu nói chuyện với quốc dân qua đài truyền hình, trước các đại diện hành pháp, lập pháp, tư pháp. Ông kết tội người Mỹ đã phản bội VN, ông gằn mạnh từng tiếng và lập lại: “các ông bỏ mặc cho binh sĩ chúng tôi dưới cơn mưa pháo của Cộng Sản, đó là hành động vô nhân đạo của một đồng minh vô nhân đạo...” và kết luận «tôi sẵn sàng nhận lãnh sự phán xét và buộc tội của đồng bào... Tôi từ chức nhưng không đào ngũ. Theo hiến pháp, người thay thế tôi là Phó TT Trần Văn Hương”

Sau 10 năm cầm quyền, TT Thiệu tuyên bố từ chức trước quốc dân qua đài truyền hình tối ngày 21-4-1975 và kết tội người Mỹ đã phản bội VN.

Nguyễn Bá Cẩn nhận định là việc từ chức của TT Thiệu để Mỹ tiếp tục viện trợ cho VNCH, mở đường cho Hoa Kỳ và đồng minh thương thuyết một giải pháp chính trị mà sự hiện diện của ông là một trở ngại (Cẩn, tr. 421), Trần Văn Đôn thêm một lý do thứ hai là ông Thiệu sợ quân đội đảo chánh mà ông Thiệu nghi là do ông [Đôn] chủ xướng. (Đôn, tr.458). Nguyễn Tiến Hưng, trong “Khi Đồng minh tháo chạy” (tr.389) thì cho rằng ông Thiệu từ chức vì các tướng lãnh không còn ủng hộ. Nguyễn khắc Ngữ thì có nhận định tiêu cực hơn “trong bài diễn văn từ chức này, ông đã hiện nguyên hình một tay sai của Hoa Kỳ, bị chủ đuổi lên tiếng chửi lại bằng những lời bình dân nhất không thể thấy được trong ngôn ngữ của một vị lãnh đạo quốc gia” (Ngữ, tr. 343)

Hoàng ngọc Thành cũng có nhận định tương tự về ông Thiệu “là người thừa hành đặc lực nhất của Hoa Kỳ trong chiến tranh VN” (Thành tr. 559) là “người hèn nhát, tại sao không chịu công bố trong năm 1974 và đầu năm 1975 các bức thư hứa hẹn trả đũa Bắc Việt của Tổng Thống Richard Nixon nếu Cộng Sản Hà Nội vi phạm hiệp định Ba lê, tại sao không công bố sớm để quốc hội và dân chúng Hoa Kỳ biết những điều cam kết này để đánh vào điểm danh dự và lương tâm người Mỹ. Làm như thế có lợi cho dân tộc VN, nhưng Nguyễn Văn Thiệu sợ bất lợi cho ông nên không làm” (Thành, tr.566).

Tôi thì cho là ông Thiệu từ chức là do lời khuyên của Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu qua trung gian của Hoàng Đức Nhã. Liền sau khi nghe Lý Quang Diệu đưa tin là người Mỹ sẽ lật đổ và khuyên ông Thiệu nên ra đi, Hoàng Đức Nhã đã vội vàng điện

thoại cho ông Thiệu từ Singapore: “đừng chờ người ta lật đổ anh hay tổng cổ anh đi. Hãy đi trước đi, càng sớm càng tốt” (Todd, tr. 277)

Trong khi ông Thiệu đọc diễn văn từ chức, các đơn vị cuối cùng của sư đoàn 18 của tướng Lê Minh Đảo rút ra khỏi Xuân Lộc, và vài giờ sau, bộ chỉ huy Quân Đoàn 3 của tướng Nguyễn Văn Toàn phải di tản về Saigon. Biên Hòa và Vũng Tàu bị đe dọa nặng.

Chỉ 2 giờ sau lễ bàn giao giữa ông Thiệu và ông Hương, đài phát thanh Giải phóng và Hà nội đồng loạt tuyên bố: “Đó cũng chỉ là một chế độ bù nhìn, chánh phủ Thiệu không có Thiệu” (Todd, p.316).

– **Ngày 22:** Tân Tổng Thống Hương lần lượt tiếp xúc ba nhân vật chính trị gốc miền Nam là Trần Văn Lắm, Nguyễn Văn Huyền và Trần Văn Đôn để mời nhận chức thủ tướng toàn quyền thay cho nội các Nguyễn Bá Cẩn được TT Thiệu bổ nhiệm 12 ngày trước, nhưng cả ba đều từ chối (Darcourt, p. 131).

Theo Trần Văn Đôn thì sau đó, ngày 24 ông Hương mời ông Nguyễn ngọc Huy, nhưng chuyện bất thành vì ông Minh đòi ông Hương phải giao quyền Tổng Thống và ông Thiệu, tuy đã từ chức, vẫn cho ý kiến với ông Hương “đừng chỉ định ông Huy làm thủ tướng” (Đôn, tr.467)

Phần II

Trong khi đó, 2 biến cố quân sự quan trọng xảy ra sát nách Saigon.

* Lê Duẩn đánh điện cho Lê Đức Thọ và Văn Tiến Dũng đang đặt bản doanh ở Lộc Ninh yêu cầu gia tăng các cuộc tấn công càng mạnh càng mau trên khắp các mặt trận. Mọi chậm trễ có thể đưa đến những hậu quả quân sự và chính trị trầm trọng. Theo Olivier Todd thì Lê Duẩn sợ rằng nếu chiến trường kéo dài thì áp lực chính trị quốc tế có thể can thiệp để chia cắt đất đai như hồi 1954 trước hội nghị Genève. Tuân hành chỉ thị này, Văn Tiến Dũng ra lệnh cho tất cả các lực lượng từ chiến khu C, chiến khu D, Khu Tam giác Sắt ở miền Đông, và các lực lượng ở vùng đồng bằng Cửu Long và Cà Mau chuẩn bị tổng tấn công vào Saigon và các tỉnh. Để phân công, bộ phận chính trị do Lê đức Thọ và Phạm Hùng đóng ở Lộc Ninh, còn tướng Trần văn Trà và Văn tiến Dũng lập bộ tham mưu mặt trận ở Bến Cát, sát nách Saigon.

* Để chặn bước tiến của CS, Bộ Tổng Tham Mưu xin Tân TT Trần Văn Hương cho phép thả 3 trái **bom CBU-55** (giao cho VN ngày 16 tháng 4) tại các địa điểm mà các đơn vị cuối cùng của SĐ 18 BB đã rút ra khỏi Xuân Lộc đêm hôm trước. Đó là loại bom có sức công phá dữ dội nhất trong các loại vũ khí của Mỹ, khi còn cách mặt đất chừng 10m thì nổ tung ra hàng trăm trái bom nhỏ hút hết tất cả dưỡng khí, giết tất cả sinh vật trong một vùng có đường kính 250m (Todd) theo Darcourt thì đến 1km, ngay cả người dưới hầm sâu. Người chết không có vết thương (vì bom không có miếng) mà chết trong tư thế tự nhiên (như đang ngồi, nằm, đứng...). Ngoài ra, phi cơ Hoa Kỳ cũng thả 6 trái bom «**daisy cutters**» (Viên, tr.202) là loại bom BLU-82 dùng để khai quang các bãi đáp trực thăng (nặng 15000 cân Anh tức độ 7 tấn rưỡi) và **hỏa tiễn Wild Weasel** (con chồn hoang) trong vùng chung quanh Xuân Lộc. Tòa Bạch Ốc và CIA tuyên bố không hề được Không Lực Hoa Kỳ thông báo sự can thiệp vũ bảo trong những ngày cuối cùng này của chiến tranh VN. Những tài liệu giải mật sẽ giải thích hư thực về chánh sách đôi khi khó hiểu của Hoa Kỳ.

CS lập tức trả đũa ngay sau vài giờ bị bom CBU. Sân bay Biên Hoà bị pháo kích không sử dụng được nữa, phi cơ F5A phải «*di tản*» về Tân Sơn Nhứt, một số khác phải về sân bay Cần Thơ.

– **Ngày 23:** Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn xin từ chức. TT Hương yêu cầu ông Cẩn xử lý thường vụ cho đến khi có chính phủ mới.

– **Ngày 24:** Dương Văn Minh hợp báo: Tổng Thống Trần Văn Hương đã mời tôi nhận chức Thủ Tướng. Tôi từ chối vì ở cương vị này, tôi không thể thương thuyết với phía bên kia bởi điều kiện của phe Cách mạng là Tổng Thống Hương phải ra đi...

Ông Minh muốn dứt giai đoạn và đại sứ Pháp đã hướng dẫn ông ta chơi một ván bài nguy hiểm dựa trên niềm tin rằng ông chưa bao giờ bị phe bên kia chỉ trích và Cộng Sản sẽ thương thuyết với ông trên căn bản “Hiệp định Paris 1973” (Darcourt, p.142).

Trong ngày này, đại sứ Pháp Mérillon vào dinh Độc Lập hai lần khuyên ông Hương từ chức để trao quyền cho Dương Văn Minh. Ngoài ra, tướng Trần Văn Đôn, Tổng Trưởng Quốc Phòng trong nội các Nguyễn Bá Cẩn cũng tự xưng và tự nguyện đóng vai trò trong cuộc thương thuyết với phe bên kia bên cạnh tướng Dương Văn Minh.

Trong khi Mérillon tỏ vẻ lạc quan về giải pháp chánh phủ liên hiệp 3 bên: Cộng Sản, Mặt Trận và phe Lực lượng thứ ba do Dương Văn Minh đại diện, thì các đảng phái, một số tướng lãnh họp ở khách sạn Palace không chấp nhận ông Minh vì cho rằng ông Minh không có sự sáng suốt chính trị trong 10 năm qua và là người thụ động, không đủ sức đương đầu với Cộng Sản. Luật sư Trần Văn Tuyên công khai chống đối Mérillon vì thái độ xấc láo và can thiệp quá đáng vào nội bộ VN: “ông Mérillon đã dám ngạo mạn nói với tôi rằng TT Hương đã già yếu bệnh hoạn phải đem vào bệnh viện để giải phẫu cho ông. Nếu ông vô bệnh viện thì bài toán sẽ được giải quyết. TT Trần Văn Hương rất phẫn uất vì thái độ khinh miệt của ông Mérillon. Nản lòng vì những lời mỉa mai ác độc và những áp lực đòi ông từ chức, vị tổng thống lớn tuổi của chúng ta dọa sẽ tự tử bằng ống thuốc cyanure mà ông luôn đeo theo trong mình” (Darcourt, rr. 143-44)

Theo Hoàng Đông thì “CS và MTGPMN, qua đài phát thanh của họ ủng hộ Dương Văn Minh là người chủ trương hòa giải hòa hợp nên có thể nói chuyện được, và Đại sứ Pháp 4 lần khuyên Hương từ chức, nhưng vì tham quyền cố vị và ngây thơ nên Hương bỏ ngoài tai lời khuyên của đại sứ Pháp” (tr.362)

Trong lúc đó, đài phát thanh Hanoi và Giải Phóng miền Nam đồng loạt đòi TT Hương phải ra đi. Thực sự, CS không có dấu hiệu nào thương thuyết với bất cứ ai và chuẩn bị tấn công Saigon.

Điều này cũng được xác nhận trong “VNCH, 10 ngày cuối cùng” của Trần Đông Phong là chính TT Trần Văn Hương đã cử tướng Phan Hòa Hiệp đại diện cho chính phủ liên lạc với đại diện của CS trong Ủy Ban Liên Hợp 4 bên vận động với CS một cuộc thương thuyết, nhưng CS đã bác bỏ mọi hình thức thương thuyết và đòi Miền Nam phải đầu hàng vô điều kiện (Phong, tr. 252-253)

– **Ngày 25:** Hôm nay, TT Hương lại tiếp đại sứ Mérillon và đại sứ Martin, cả hai đều cố thuyết phục TT Hương nên cấp tốc đưa ra một giải pháp khả dĩ mở đường thương thuyết với những người “cách mạng” (nguyên văn: les révolutionnaires). Giải pháp này đòi hỏi sự từ chức của ông và giao quyền lại “cho một nhóm người nào đó” mà phía bên kia chấp nhận (Darcourt, p.145).

Ông Hương từ chối và nói với Martin: “nếu tôi phải làm Pétain của VN thì ít ra tôi phải đóng vai trò ấy trong danh dự và đúng phẩm giá” – Si je dois être le Pétain du VN, je le serai au moins dans l’honneur et la dignité (Todd, p.324). Ông Hương muốn hành xử theo đúng hiến pháp và câu hỏi căn bản là ông Minh có được Hà nội thực sự chấp nhận hay không, TT Hương yêu cầu Martin thăm dò qua đại sứ Ba Lan.

Sau khi từ chức, ông Thiệu ngày ngày đi đi lại lại qua các phòng trong dinh Độc Lập (tuy ông từ chức nhưng ông vẫn còn ở trong dinh), nghĩ đến cuộc phục hận. Ông Nguyễn Văn Kiếu, anh ông và cả em họ ông, Hoàng Đức Nhã đều khuyên ông nên ra đi, nhưng ông từ chối vì ông nghĩ là ông còn có một vai trò. Không chịu được cảnh này, bà Thiệu đã rời Saigon sáng 24 đi Bangkok trên một chuyến bay thương mại (Snepp, tr. 334)

TT Hương cũng muốn ông Thiệu ra khỏi nước vì sự có mặt của ông Thiệu tạo khó khăn cho ông (hay cho ý kiến) nên nhờ Martin can thiệp. Martin cũng không muốn ông Thiệu bị ám sát càng rắc rối hơn nên Martin tổ chức cho ông Thiệu rời khỏi nước. (theo Snepp, tr. 334, Trần Văn Đôn cũng khuyên TT Thiệu trưa ngày 25 là nên ra đi vì Nguyễn cao Kỳ sẽ tổ chức ám sát)

Lúc 20 giờ rưỡi, Polgar và tướng Timmes đón ông Thiệu ở nhà ông Khiêm trong Bộ Tổng Tham Mưu. Đoàn xe 3 chiếc gồm ông Thiệu, Khiêm và hơn 10 người khác. Martin đợi sẵn ở phi cơ để tiễn đưa.

«Dù buồn thảm và cam chịu số phận, ông Thiệu đi thung thăng, cố giữ phong độ. Ông quay lại cảm ơn ông Martin. Với giọng xúc động, Martin đáp lễ: Thưa Tổng Thống, đó là điều tối thiểu tôi có thể làm. Xin tạm biệt và chúc Ngài may mắn (Nguyễn tiến Hưng, tr. 392 và Todd tr.339).

Phi cơ trực chỉ Đài Loan (và sau đó ông và gia đình sang tị nạn ở Anh Quốc cho đến thập niên 1980 mới sang Hoa Kỳ).

Theo Hoàng Đông: “ngày 22-4, Thiệu và Khiêm được Mỹ đưa ra phi trường Tân sơn Nhất bay qua Đài Loan. Trước đó 20 ngày, gia đình, của cải của hai vị này đã được an toàn chuyển ra ngoại quốc” (tr. 360).

Nhiều tài liệu Anh Pháp nói đến 16 tấn hàng hóa. Theo Lý Quý Chung, thân cận của tướng Minh, ông Thiệu trốn chạy (Chung, tr. 362).

Cùng một sự kiện, 4 tác giả thuật lại bốn cách khác nhau.

TT. Thiệu rời khỏi nước yên ổn, Martin thở phào. Ông lên xe đến dự cuộc tiếp tân ở toà đại sứ Ba Lan.

Sau đây là câu chuyện giọng nhát gừng giữa 2 ông đại sứ:

- Martin: Cộng Sản Bắc Việt có chấp nhận Dương Văn Minh không?
- Fijalkowski (đại sứ Ba Lan): Sẽ hỏi Hà Nội. Nhưng có câu hỏi của Hà Nội: Tại sao hàng không mẫu hạm Mỹ lảng vảng ngoài khơi hải phận VN.
- Martin: phải hỏi lại Hà Nội của các anh, tại sao có dàn hỏa tiễn gần Saigon. Hà Nội có muốn gây khó khăn cho Hoa kỳ trong công cuộc di tản không? (Todd, tr.340)

Về dư luận ông Thiệu ra đi với 16 tấn vàng, Snepp, nhân viên CIA tường thuật rất rõ (tr.296)

“Một tháng trước, Thiệu đã gửi qua Đài Loan và Canada một phần lớn tài sản và bàn ghế bằng tàu thủy. Nhưng tài sản của quốc gia, 16 tấn vàng trị giá 220 triệu mỹ kim, tượng trưng cho một phần lớn kho bạc của Saigon cũng sẽ đi ra nước ngoài (à expatrier). Lúc đầu, ông Thiệu dự tính gửi lén lút số vàng này vào Ngân hàng Thanh Toán Quốc Tế Bâle (Banque des règlements internationaux de Bâle) ở Thụy Sĩ, nơi mà chánh phủ đã có gửi một số vàng bảo đảm trị giá 5 triệu. Ông Thiệu nói với các cộng sự viên là gửi vàng để mua trang bị cho quân đội. Nhưng vài ngày trước khi gửi, tình báo Mỹ biết được nên tin tung ra trên báo chí, hàng hàng không mà ông Thiệu đã thương thuyết hợp đồng rút lui. Để giải tỏa mọi nghi ngờ, đại sứ Martin buộc ông Thiệu gửi số vàng này ở Federal Reserve Bank of New York, ông Thiệu phải đồng ý.

Ngày 16 tháng 4, Martin xin Washington một chuyến bay đặc biệt, có bảo hiểm để chở số vàng này đi New York. Nhưng Không Lực Mỹ cũng như Ngân Hàng không chấp nhận bảo hiểm chuyên chở một món hàng trị giá quá lớn như vậy từ một nước đang có chiến tranh. Câu chuyện đang dang dở thì 2 ngày sau, ngày 18 tháng tư, 16 sư đoàn Cộng Sản đang hướng về Saigon, chuyện chở vàng bị quên đi và **16 tấn vàng vẫn ngủ yên trong Ngân Hàng Quốc Gia”**

Đến ngày 25, sau khi giải quyết vấn đề bảo hiểm, vàng được đưa lên phi cơ để chở đi New York, nhưng giờ chót bị Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Kinh tế Nguyễn Văn Hào (nội các Nguyễn Bá Cẩn) chặn lại **nói là** theo lệnh của TT Hương chờ cho tân nội các được thành lập. Số vàng này vẫn còn nằm trong phi cơ đậu ở phi trường khi quân CS tiến chiếm Saigon. Cũng theo Snepp, tuy không hẳn là theo CS, Nguyễn Văn Hào đã được CS móc nối hồi đầu tháng tư là sẽ được chế độ mới đối xử tốt nếu bảo vệ kho bạc VNCH. (Snepp. tr.328).

Chuyện ông Thiệu muốn tẩu tán vàng là một tin đồn, nhưng chuyện vàng bị các lãnh tụ đỏ sau này bu vào đục khoét là chuyện thực!

– **-Ngày 26:** Lúc 10 giờ sáng, TT Hương đến họp với lưỡng viện Quốc hội để được báo cáo tình hình quân sự và quyết định người thay thế ông Hương. Có 183 trên 219 người đến tham dự (Darcourt) nhưng theo Lý quý Chung thì chỉ có 136 vì nhiều người đã chuẩn ra nước ngoài (LQC, tr.366).

Trong diễn văn, ông Hương không gọi đích danh Dương Văn Minh mà gọi là “người ấy” (cette personne):

“Trước hết tôi đã đề nghị với người ấy chức vụ Thủ Tướng với đầy đủ quyền hành. Ông ta đã từ chối. Tôi đã phải mời ông ta đến gặp tôi tại dinh Độc Lập, ông ta cũng từ chối. Với thiện chí muốn giải quyết vấn đề, tôi không kể nghi thức và mặc dầu tuổi già sức yếu, tôi phải chấp nhận đến nhà một người bạn chung để gặp người ấy. Tôi đề nghị với người ấy chức vụ Phó Tổng Thống, nhưng một lần nữa, chẳng những người ấy từ chối mà còn nói với tôi là: Phải có tất cả không thì thôi, có nghĩa là chỉ có Tổng Thống. Tôi lưu ý làm như vậy là vi hiến, ông ta trả lời rằng: đó không phải là việc của ông ta. Sau đó tôi có đặt cho ông ta một câu hỏi: Có gì bảo đảm là phía bên kia chấp thuận thương thuyết với ông thì ông ta trả lời ngắn gọn là: Tôi đã nhận được từ phía bên kia những cam kết cần thiết để làm tròn vai trò.

Mặc dù tôi nhấn mạnh nhưng ông ấy không có thêm một lời giải thích nào khác ngoài những lời úp mở mà tôi không tin vào những lời đó. Tôi sẽ không bao giờ muốn chịu trách nhiệm về việc trao quyền một cách bất hợp hiến, vì vậy, hôm nay, tôi yêu cầu quý vị hãy trao quyền hành pháp lại cho người ấy bằng lá phiếu hợp pháp của lưỡng

viện Quốc hội. Đó là phương thức duy nhất vừa để cứu Saigon khỏi bị một thảm họa mà không làm mất thể diện của quốc gia và chế độ.”

Tuy nhiên, theo bài viết của GS Nguyễn Ngọc An, cựu Tổng Trưởng Thông Tin Chiêu hồi trong nội các Trần Văn Hương ghi âm lại, đăng trong Đặc San Pétrus Ký 1966, thì T/T Trần Văn Hương đề cập đích danh tên Dương Văn Minh:

“...Với ý nghĩa đó, nghĩa là ý nghĩ thương thuyết, tôi đã ra công dò xét tìm bên này, tìm bên nọ, hỏi thăm dò ý kiến mọi nơi. Tới bữa nay cũng nói với quý vị là tôi có dịp đã gặp được Đại tướng Dương Văn Minh, bởi vì theo lời một số người, thì Đại tướng Dương Văn Minh có đủ điều kiện làm việc này. Trong các cuộc gặp gỡ, trong một tư thất của một người bạn chung – bởi vì họp mặt tôi muốn tránh tiếng trước, không thể mời Đại tướng đến Dinh Độc Lập nói chuyện. Một mặt tôi cũng không thể tự mình tới nhà Đại tướng mà nói chuyện. Cho nên chúng tôi đã cùng nhau đến nhà một người bạn chung

– Sau khi nói chuyện, tôi nói rằng: “Theo dư luận, một số người nói rằng Anh – xin lỗi, bởi vì giữa Đại tướng với tôi cũng còn cái thâm tình nhiều – người ta bảo rằng Anh có đủ điều kiện để thương thuyết, vậy thì xin Anh vì nước nhà, mọi tỵ hiềm qua, mọi chuyện không tốt đẹp đã xảy ra, xin Anh vui lòng xóa bỏ để cùng nhau chung lưng dựng nước. Xin Anh chấp nhận cái ghế Thủ tướng để đứng ra thương thuyết với phía bên kia.” Đại tướng, lẽ cố nhiên đối với tôi lúc nào cũng giữ thái độ chẳng những là người bạn thân mà giữ cả thái độ, xin lỗi, như thể một người học trò của tôi vậy, mặc dù Đại tướng không phải là học trò của tôi, Đại tướng nói: “Thầy đã hy sinh đến mức này, thôi xin thầy ráng hy sinh một bước nữa mà thầy trao trọn quyền cho tôi.” Nghĩa là trao cái quyền tổng thống cho Đại tướng...”

Nếu bài viết của Nguyễn ngọc An là trung thực, sự khác biệt các tài liệu ngoại ngữ viết về VN lại còn phát xuất bởi sự diễn dịch và phiên dịch của tác giả ngoại quốc và tác giả người Việt.

Sau khi TT Hương rời trụ sở Thượng Viện, cuộc thảo luận kéo dài từ 14 giờ đến 22 giờ mà kết quả là đi đến một quyết nghị lưỡng lự: Quốc Hội nhìn nhận TT Hương có đầy đủ tư cách để chọn người thay thế ông. Người này sẽ được ủy nhiệm để xúc tiến cuộc thương thuyết. Tên của Dương Văn Minh không được ghi trong bản quyết nghị này (Darcourt, p.151).

Nhưng theo Lý Quý Chung, trong Hồi ký của ông thì hoàn toàn khác: “Cuộc biểu quyết truất quyền ông Hương và trao quyền cho ông Minh được thực hiện với số phiếu gần như tuyệt đối 147/151 vào lúc 20giờ 54... Tôi nhớ rất rõ không khí tại trụ sở Thượng Viện trước và sau biểu quyết. Kẻ thì chán nản như người sắp chết đuối là các dân biểu nghị sĩ thuộc phe Thiệu, còn những người phe Dương Văn Minh thì hấp tấp, vội vã như sợ không bắt kịp cơ hội cuối cùng” (LQC, tr.367, 368).

Theo ông Đôn, cũng trong Hồi Ký thì “đa số nghị sĩ dân biểu nghiêng về biện pháp trao quyền cho ông Hương chỉ định Thủ Tướng toàn quyền vì cho rằng ông Minh xem thường Quốc Hội» và sau đó ông Hương gọi điện thoại với ông và nói: «tôi sẽ chỉ định anh làm Thủ tướng” (Đôn, tr. 468,469)

Trong khi lưỡng viện Quốc Hội đang họp, lúc 12 giờ, Võ đông Giang, đại diện cho Mặt Trận trong Ủy Hội Kiểm soát ở Camps Davis (Tân Sơn Nhút) tuyên bố: Đạo quân chúng tôi tiếp tục tiến công, không có ngưng bắn.

– Ngày 27 tháng tư:

* **4 giờ sáng**, nhiều tràng hỏa tiễn bắn vào Saigon: thiệt hại: 9 người chết, 36 bị thương, những đám cháy nhà cửa và hàng xưởng khiến 2000 người không nơi cư trú.

* **10 giờ sáng**: TT Hương gửi văn thư hỏa tốc cho Chủ tịch Thượng Viện: Theo hiến pháp Quốc Hội phải ra quyết nghị người thay thế tôi rõ ràng.

* **15 giờ**: *"Đại sứ Pháp điện thoại cho tôi [Đôn] biết: 6 giờ chiều này nếu không có gì thay đổi thì Hà Nội sẽ pháo kích vào Saigon bằng súng cối 130 ly có tầm bắn xa 30 km"* (Đôn, tr.471)

* **19 giờ**: Trước khi dân biểu nghị sĩ bắt đầu thảo luận, tướng Trần Văn Đôn, xử lý thường vụ Tổng Trưởng Quốc phòng (nội các NBCẩn) thuyết trình tình hình quân sự:

"14 sư đoàn Bắc Việt được trang bị vũ khí hùng hậu đang bao vây Saigon. Biệt kích và đặc công đã xâm nhập vòng đai. Không quân của ta đã hành quân liên tục từ nhiều ngày qua nên các phi công và phi cơ đã quá sức chịu đựng, ngoài ra còn bị thiệt hại khá nặng bởi phòng không của địch. Căn cứ Không quân Biên Hòa gần như đã bị tê liệt vì pháo lực của CS. Trong vài ngày, cũng có thể trong vài giờ, có thể Saigon sẽ bị tàn phá bởi đạn pháo 130 ly tầm xa của CS. Nhứt định ta phải thương thuyết với họ để ngưng bắn càng sớm càng tốt"

Các dân biểu nghị sĩ la ó, phản đối tướng Đôn: Đồ hèn nhát, chủ bại, bị bán đứng rồi, Tướng phòng ngủ. Tướng Đôn và các quân nhân tháp tùng rời phòng họp trong nhục nhã (Darcourt, p.154).

Quốc Hội biểu quyết chấp thuận cử tướng Minh thay thế TT Hương trong chức vụ Tổng Thống. (AP Photo/Errington)

<https://baovecovang2012.files.wordpress.com/2013/04/quochoichapthuanduongvanminhthaytranvanhuong.jpg?w=640&h=428>

Sau 4 giờ thảo luận sôi nổi, Quốc Hội biểu quyết chấp thuận cử tướng Minh thay thế TT Hương trong chức vụ Tổng Thống. (120 phiếu thuận, 32 phiếu chống, 20 phiếu trắng theo Darcourt; 136 phiếu thuận, 2 phiếu trắng theo Todd.

Trong lúc đó, chuyến máy bay do Polgar tổ chức chở Nguyễn Bá Cẩn, Nguyễn Khắc Bình, Hoàng Đức Nhã và một số nhân vật đi Phi luật Tân.

* **20 giờ**, con đường nối liền Saigon-Biên Hòa bị cắt đứt, 700 quân nhân của Sư đoàn 18 bị mất liên lạc và quốc lộ số 4 nối với miền Tây cũng bị gián đoạn ở nhiều nơi. Saigon trở nên cô lập như một hòn đảo.

Trong khi đó, cuộc di tản tuy chậm, nhưng diễn tiến trong trật tự. Đến 12 giờ trưa ngày 27 đã có 35245 người đã được Mỹ bốc đi. Các tòa đại sứ, trừ tòa đại sứ Pháp, cũng bắt đầu đóng cửa và di tản nhân viên bằng đường hàng không.

Ngày 27 cũng là ngày Bắc Việt đổi ý về chiến lược. Theo đại sứ Martin, tuy là hồi tháng ba, ông đã có tin tình báo là Hà Nội đã quyết định đi tới một chiến thắng hoàn toàn bằng quân sự, nhưng những tin tức khác từ Mặt Trận giải phóng ở Paris cũng cho biết là họ cũng muốn có một giải pháp chính trị, và Martin cũng suy luận là CS dùng giải pháp chính trị để có thể tiếp tục được viện trợ của quốc tế khi chiến tranh chấm dứt. Nhưng không hiểu vì lý do gì, theo Martin thì đêm 27 tháng 4, CS đã dứt khoát chọn chỉ giải pháp quân sự (Martin Graham. Vietnamese evacuation: testimony of

Ambassador Graham Martin. International relations, January 27, 1976, p. 609, trích dẫn bởi Nguyễn Tiến Hưng, tr.391).

Phân Kết

– Ngày 28

Saigon đã thật sự hấp hối. Tân Sơn Nhứt bị pháo kích, người di tản ồ ạt đến tòa đại sứ Mỹ tràn ngập sân sau, trèo tường, song sắt để xin được di tản. Từ sớm tinh sương, trực thăng của hãng Air America đáp xuống nóc tòa đại sứ để tiếp tục đưa các chánh khách và tướng tá VN đến Tân Sơn Nhứt hay ra hạm đội, trong số có Cao Văn Viên.

Trong khi lực lượng Cộng Sản đang tiến về Saigon từ nhiều hướng, thì “tại tư dinh ở số 3 Trần Quý Cáp, suốt buổi sáng, Dương Văn Minh vui đầu vào việc chọn lựa các nhân vật thất sủng trong chánh giới Saigon để tìm người cho nội các. Các ứng cử viên lần lượt đến tư dinh ông để xin chức, ông lạnh lùng tiếp đón, gật đầu chào rồi bảo họ ra vườn lan ngoài sau mà chờ. Nhưng ông không bằng lòng các ứng viên bởi lẽ người này là điều hâu, người kia là bồ câu, nên sau cùng ông chọn trình diện nội các với 3 người” (Snepp 355)

Lúc 17 giờ, lễ bàn giao giữa TT Trần Văn Hương và Dương Văn Minh diễn ra tại dinh Độc Lập với các ông Nguyễn Văn Huyền Phó Tổng thống, Vũ Văn Mẫu Thủ Tướng.

“Khi tân TT Dương Văn Minh vừa bắt đầu bài diễn văn nhậm chức của mình thì sét đánh ầm ầm, một trận mưa to chưa có trong nhiều năm ập xuống Saigon, thậm chí quan khách dự lễ không nghe được ông Minh nói gì. Cái không khí chung của buổi lễ nhậm chức thật buồn nảo” (LQC tr.354).

Ông Minh tuyên bố muốn điều đình với chánh phủ Mặt Trận Giải Phóng Giải Phóng và chánh phủ miền Bắc trên căn bản hiệp định Paris và một cuộc ngưng bắn.

Ông Minh chấm dứt diễn văn lúc 17giờ 48 phút. Một giờ sau, đài phát thanh Mặt Trận Giải Phóng lên tiếng: “Sau sự ra đi của tên phản quốc Nguyễn Văn Thiệu , những tên thay thế như Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Huyền và Vũ văn Mẫu muốn duy trì chiến tranh để kéo dài chế độ chư hầu của Mỹ. Nhưng chúng chẳng lừa được ai và quân đội giải phóng chỉ chấp nhận một cuộc ngưng bắn với hai điều kiện: ngưng quân Saigon buông súng và hạm đội Mỹ rời khỏi hải phận miền Nam VN. Các binh sĩ nào còn nghe lệnh của Mỹ Ngụy sẽ bị trừng trị đích đáng để làm gương” (Todd, 355)

Khi ông Minh và đoàn tùy tùng từ Dinh Độc Lập trở về “dinh Hoa Lan” (nhà của DVM) thì nghe vang lên những tiếng nổ rung chuyển cả Saigon. Năm phản lực cơ A-37 mà quân CS vừa mới chiếm được xuất phát từ Nha Trang, dưới sự chỉ huy của Trung úy Nguyễn Thành Trung oanh tạc phi trường Tân Sơn Nhứt và vùng Hố Môn. Tại Paris. tổng trưởng ngoại giao Pháp tiếp đại sứ Bắc Việt Võ văn Sung và đại diện Mặt Trận Phạm Văn Ba để bày tỏ sự ngạc nhiên về sự trở mặt của Cộng Sản. Vai trò trung gian mà Pháp nghĩ rằng mình có thể đóng góp trong cuộc giàn xếp chính trị vào giờ thứ 25 của cuộc chiến đã hoàn toàn thất bại.

Pháo kích Saigon. https://i0.wp.com/farm3.static.flickr.com/2632/3803043139_275111bfd4_z.jpg

– Ngày 29 tháng tư

Saigon hôm nay bắt đầu thực sự đi vào cơn hỗn loạn.

*** Từ 4 giờ sáng,** đại bác của CS bắn vào bộ chỉ huy của Tổng Tham Mưu ở Tân Sơn Nhứt và bộ tư lệnh hải quân. Nhiều kho súng và kho xăng bốc cháy, bùng nổ.

*** 6 giờ sáng,** Văn tiến Dũng ở Bến Cát nhận lời khen ngợi của Bộ Chính trị ở Hà Nội và yêu cầu Dũng tiến quân thần tốc.

*** 10 giờ sáng,** đài phát thanh Saigon đọc bức thư của Dương Văn Minh gửi cho Martin:

“Tôi trân trọng yêu cầu ông đại sứ vui lòng ra chỉ thị cho các nhân viên cơ quan tùy viên quân sự DAO rời khỏi VN trong 24 giờ đồng hồ kể từ ngày 29 tháng 4, 1975 để vấn đề hoà bình của VN sớm được giải quyết” (Todd p. 362).

Bình luận về ông Minh, Kissinger đã viết: “Ông Minh làm Tổng Thống không tới 72 giờ, chỉ đủ làm được hai việc quan trọng: một là yêu cầu Hà Nội ngưng chiến và thương thuyết chính trị, điều mà Hà Nội đã từ chối thẳng thừng, và hai là ngày 29 tháng tư, ông yêu cầu tất cả người Mỹ rút ra khỏi VN 24 giờ. Bức thư này phù hợp với lịch trình rút lui của chúng tôi, nó đã thực sự giúp cho chúng tôi tháo ra mà không bị chỉ trích là Mỹ đã bỏ rơi đồng minh của mình” (Hưng, tr.393).

Ông Hoàng ngọc Thành tiết lộ một chi tiết “ly kỳ” hơn: Tòa đại sứ Mỹ soạn một văn thư cho tướng Minh yêu cầu người Mỹ rút đi trong vòng 24 giờ và bảo cho đọc trên đài phát thanh Saigon. Dương Văn Minh kể cho bà con và bạn hữu biết là ông đã làm như đại sứ Graham Martin bảo (Thành, tr. 568).

Nếu quả tình sự việc như vậy, VN đã đến hồi mạt vận vì một nhân vật luôn có mặt trong những cơn khủng hoảng chính trị lớn, chỉ vì muốn làm tổng thống mà hạ mình nhận lệnh của Pháp và của Mỹ.

Trong khi đó, Saigon bắt đầu một cuộc hỗn loạn không tả được. Từng đoàn người tràn vào chiếm kho hàng ở Tân Cảng, súng đạn tủa ra khắp nơi, người ta đập trên xác chết quân sĩ và đặc công.

Thành phố không còn có chỉ huy: DVMinh đã cách chức tướng Bình, 60000 cảnh sát và 10000 cảnh sát dã chiến không biết nghe lệnh ai, quân đội cũng thay đổi tham mưu trưởng 3 lần trong 24 giờ: hôm kia là Cao Văn Viên, nhưng ông đã ra đi cùng với tham mưu phó, hôm qua là tướng Nguyễn Văn Minh và Vĩnh Lộc, nhưng mỗi người chỉ có vài giờ rồi cũng bỏ đi cùng với Chung Tấn Cang, Mai Hữu Xuân, Nguyễn cao Kỳ, Ngô Quang Trưởng, nói chung có 60 vị tướng lãnh.(Darcourt)

Theo tài liệu lưu giữ tại Bảo Tàng Viện ở San Jose thì vào thời điểm tháng 4-1975, VNCH có 112 tướng lãnh, 80 tướng đã rời VN vào cuối tháng 4.

Trường hợp của Đặng Văn Quang thì bi đát và nhục nhã hơn. Pierre Darcourt đã kể:

“Một cảnh tượng bi đát đã xảy ra ở cổng tòa đại sứ. Tướng Đặng Văn Quang mà nhiều người tố cáo là đứng đầu đường dây buôn lậu ở VN lại không có tên trong danh sách di tản của người Mỹ. Binh sĩ gác cổng đuổi ông đi. Ông phải chạy lại van nài nghị sĩ Nguyễn Văn Ngải giúp ông xin trục thẳng bốc đi. Có ai ngờ, một ông cựu cố vấn quân sự của Tổng Thống, ngạo mạn kiêu căng, tác oai tác phúc ở dinh Độc Lập suốt mấy năm trời thì nay chỉ là một đồng mõ run rẩy vì sợ sệt. Ông ta hết quỳ lạy cầu khẩn rồi viện dẫn mạng sống của vợ con và của chính ông vì sẽ bị CS giết. Động lòng, nghị sĩ đưa ông ta cùng đi chung nhưng không nói tên ông ta là ai...” (Darcourt, 194). Theo Snepp, thì Quang nhờ sự giúp đỡ của Polgar dù nhiều nhân viên CIA không muốn thấy

mặt Quang vì Quang đã được CIA trả lương mà đã phản bội không báo cho CIA biết kế hoạch rút quân của TT Thiệu. Trong cơn hốt hoảng, Quang bỏ quên đứa con trai cùng đi với ông ở ngoài hàng rào sắt của tòa đại sứ. (tr.392)

Trường hợp của Trần Văn Đôn thì lại rất tàn nhẫn với thuộc cấp. Trước khi hồi hải leo lên trực thăng cùng với con trai là một bác sĩ, ông Đôn nói với đoàn tùy tùng: "các anh ở lại, các anh không có chức vụ, không có gì nguy hiểm". Những quân nhân này vừa đau khổ, vừa khinh bỉ nhìn theo chiếc trực thăng cất cánh. (Darcourt, p. 194)

Lartéguy châm biếm: "*Hôm qua là Phó thủ tướng, mùa may, tưởng có thể thay thế Minh, bi đát hóa tình hình để đẩy Hương đi. Hôm nay, hồi hải bỏ chạy, không thông báo cho cả viên đại tá chánh văn phòng khiến ông này sau đó tự tử. Ông Đôn chỉ là kẻ thừa hành của chánh phủ Pháp.*" (Lartéguy, p.129)

Trong khi đó, cuộc di tản đang đến hồi lên cơn sốt.

*** 10 giờ 40:** từ phi trường Tân Sơn Nhứt, tướng Homer Smith, chỉ huy trưởng DAO điện đàm với đô đốc Noël Gayler, tư lệnh lực lượng Mỹ vùng Thái Bình Dương ở Honolulu là phi trường TSN không còn sử dụng được cho phi cơ C-130 nữa. Bộ Quốc Phòng ra lệnh cho Gayler áp dụng «Giải pháp số 4» tức di tản bằng trực thăng.

*** 12 giờ 30:** 36 trực thăng vận tải khổng lồ được yểm trợ bởi các trực thăng chiến đấu Cobra rời hàng không mẫu hạm Hancock.

*** 15 giờ:** Thủy quân lục chiến thiết lập 3 bãi đáp trực thăng ở khu quân sự trong sân bay TSN.

Có 3000 người chờ đợi di tản. Trên không phận Saigon, trực thăng của Đệ Thất hạm đội, của CIA, của Air America bay rà rà trên nóc các cao ốc tụ điểm, lên xuống phi trường được phi cơ chiến đấu Phantoms sẵn sàng can thiệp khi cần thiết. Lực lượng hải lục không quân được huy động như chưa bao giờ có sau trận đổ bộ Dunkerque năm 1940.

* Buổi chiều, trước cửa tòa đại sứ Mỹ có độ 20 000 người chen chúc nhau, hàng ngàn người đổ về bến Bạch Đằng để tìm bất cứ phương tiện nào bằng đường biển, xe cộ vật liệu vất bừa bãi trên đường phố, người dân nhốn nháo, thất thần. Martin áp dụng phương thức di tản người Việt: người đến trước, được di tản trước (premier arrivé, premier servi). Đây là dịp cho các người Mỹ làm tiền các nhà giàu người Việt bằng cách mạo nhận là thân nhân để đưa đi, bán thẻ lên tàu của nhân viên dưới quyền cho người Việt chịu mua với giá từ 5000 đến 10 000 mỹ kim. «Tướng Cao HH, cố vấn TT Thiệu thay vì phân phối 50 thẻ di tản cho bộ tham mưu, đem bán mỗi vé 1000 mỹ kim» (Terzani, p.61)

*** 10 giờ đêm:** (10 giờ sáng Washington): báo cáo từ Saigon về Ngũ Giác Đài cho biết cuộc di tản người Mỹ ở Cần Thơ và ở Vũng Tàu tốt đẹp, trong lúc ở Saigon hỗn loạn.

— Schlesinger điện cho Martin: còn 400 nhân viên tòa đại sứ phải di tản hết và gấp rút.

— Martin trả lời giọng giận dữ: Hãy chỉ cho tôi phương pháp ép những người Mỹ ra đi khi phải bỏ vợ con ở lại [vợ VN và con lai Mỹ]. Đã 4 giờ rồi, tôi đã báo cho Gayler biết là tôi cần 30 phi vụ CH-53, [chở được 50 người, chen chúc được 70] mà bây giờ tôi chỉ có một CH-46 [nhỏ hơn]

Một giờ sau, từ tòa Bạch Ốc, Don Rumsfield yêu cầu Martin di tản 150 nhân viên IBM còn kẹt ở Saigon. Martin lồng lộn: Hãy rút đi, để cho tôi yên! Trong lúc đó, hải quân lục chiến hồi hải tiêu hủy hồ sơ, các trang bị máy móc mà người Mỹ đã trang bị hùng hậu từ 10 năm qua (chỉ hồ sơ của CIA là 14 tấn).

* **12 giờ đêm:** Martin điện cho Gayler: Chẳng nhận được gì 20 phút qua, chắc tôi phải ở lại đây ngày 30 tháng tư. Và điện cho Kissenger, Martin trêu cợt: Nếu không suôn sẻ, tôi sẽ qua tòa đại sứ Pháp xin tá túc, và chắc tôi sẽ được ngủ trong phòng của bà Mérillon, và hi vọng bà còn ở đó chứ không ở Paris» (Todd p. 378)

– Ngày 30 tháng tư

* **2 giờ 30 sáng** tại tòa đại sứ còn 1000 người Việt, 53 nhân viên dân sự và 173 thủy quân lục chiến, trong khi ở phi trường TSN còn độ 2000.

* **3 giờ 45:** Martin nhìn đám người trong sân và tuyên bố: những trực thăng đáp trên nóc tòa đại sứ chỉ dành cho người Mỹ.

* **4 giờ 42,** chiếc trực thăng mang tên Lady Ace 9 đáp xuống nóc. Viên phi công trình lệnh của Tổng Thống: Martin phải lên phi cơ. Nếu Martin không tuân lệnh, viên phi công còn có một lệnh khác của Gayler, tư lệnh Mỹ vùng Thái Bình Dương là áp giải Martin.

https://baovecovang2012.files.wordpress.com/2013/04/thangtuden_daisumartin1.jpg?w=640&h=426

Bước xuống HKMH Blue Ridge Đại sứ Martin trong một tâm trạng chán nản và mệt mỏi

Theo Darcourt, Đại sứ Martin đánh giá cuộc di tản không ra gì, muốn ở lại và chết ở đó. Với một tâm trạng rối loạn, mệt mỏi (ông đã thức suốt 72 giờ liền), ông đáp xuống hàng không mẫu hạm Blue Ridge, vào phòng đóng cửa lại để không ai thấy nỗi thất vọng của ông.

* **7 giờ 53,** chiếc trực thăng cuối cùng chở những binh sĩ cuối cùng (thực ra còn 2 xác thủy quân lục chiến ở Tân Sơn Nhất), yểm trợ bằng 6 trực thăng vũ trang Cobra rời tòa đại sứ. Họ ném hơi cay trên đầu 420 người Việt còn đứng chờ bâng hoàng, ngơ ngác.

Lá cờ Mỹ đã cuốn đi mang theo nỗi thất vọng, cay đắng, oán hờn, sung sướng, của người Việt bắt đầu một trang sử mới.

* **8 giờ 30,** tại dinh Phủ Thủ Tướng, ông Dương Văn Minh họp cùng các nhân vật quan trọng của nội các mới như Nguyễn Văn Huyền, Vũ Văn Mẫu để trình bày tình hình quân sự và chính trị đã đến hồi tuyệt vọng, cuộc thương thuyết với chánh phủ Mặt Trận Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam và Hà Nội, qua trung gian của Pháp kể như không có trong khi thành phố Saigon đã hỗn loạn cực kỳ.

“Nhiều toán quân sĩ VNCH lang thang trong thành phố, họ vứt bỏ vũ khí, quân phục. Bọn cướp bóc tràn ngập trong thành phố, súng bắn loạn xạ” (Todd, p.390).

* **9 giờ 30:** sau phiên họp, nội các Dương Văn Minh đến dinh Độc Lập dự định theo chương trình để bàn giao với Nguyễn Văn Hào, Phó Thủ tướng trong nội các Nguyễn Bá Cẩn, nhưng cuộc bàn giao không xảy ra mà họ chờ quân giải phóng đến.

* **11 giờ 30:** “tiếng chân người vang dội trong đại sảnh, có cả tiếng khua vũ khí và tiếng đạn lên nòng. Rồi tiếng hô từ phía đại sảnh: Mọi người đi ra khỏi phòng... Người bước ra khỏi phòng trước tiên là tổng thống DVM... Có tiếng hô to: Mọi người giờ hai

tay lên. Ông Minh, ông Mậu và tôi cùng mọi người đi sau đều nhất loạt giơ tay... Một người bộ đội cấp chỉ huy nói với ông Minh: Anh hãy viết một bản tuyên bố đầu hàng. Ông Minh trả lời rằng sáng nay ông đã có một tuyên bố trao quyền rồi. Viên chỉ huy nói: Anh chẳng có gì để trao. Anh chỉ có thể tuyên bố đầu hàng... Ông Minh vẫn đứng yên lặng.

Viên chỉ huy yêu cầu ông Minh đi đến đài phát thanh để thảo và đọc bản tuyên bố đầu hàng... Trước khi rời dinh Độc Lập đến đài phát thanh, ông Minh nói với vị chỉ huy bộ đội: Vợ tôi vẫn ở đây. Xin các anh bảo đảm an ninh giữ gìn. Viên chỉ huy đáp: Anh hãy yên tâm... Ông Minh và ông Mậu được đưa đến đài phát thanh Saigon trên chiếc xe Jeep của bộ đội... Bản tuyên bố đầu hàng do chính trị viên Bùi Văn Tùng thảo. Ông Minh đọc và đài phát lúc 13 giờ 30...» (LQC, tr.410-412).

Trần Văn Đôn thuật dựa vào những điều nghe biết sau 30 tháng tư (vì ông đã ra đi): “Sau đó họ mời ông Minh, ông Mậu và một người nữa lên xe jeep đi. Sau này tôi biết họ chở lại gặp tướng Trần Văn Trà. Tướng Trà nói: Tôi mời mấy ông về đây để uống trà với tôi. Tôi là Trà đây. Chiến tranh đã kết thúc rồi. Không có ai thắng ai bại” (Đôn, tr. 485). Và cũng với luận điệu ấy, Đôn đã viết: “Ai cứu dân chúng Saigon khỏi đổ máu. Không phải Kissinger, không phải đại sứ Mỹ, không phải đại sứ Pháp. Saigon không đổ máu là nhờ Dương Văn Minh.”

Pierre Darcourt kể lại với nhiều chi tiết sống sượng hơn:

“Đúng 12 giờ 10 phút, ba chiếc xe tăng T54 cán dẹp những hàng rào cản sơn màu trắng đỏ bao quanh dinh Độc Lập. Họ bắn chỉ thiên một tràng dài, ủi sập cánh cổng lớn, cán lên trên rồi tiến thẳng vào dinh Độc Lập, cày bừa lên các bãi cỏ trong sân. Hai chiếc xe Jeep và một chiếc xe vận tải chạy đến, qua mặt các chiến xa. Tất cả mang cờ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam...

Vị sĩ quan cao cấp được 4,5 lính CS hộ tống ập vô đại sảnh, nơi mà tướng Dương Văn Minh đang hội họp với các người thân cận của ông ta. Thấy vị sĩ quan đeo đầy sao vàng trên cầu vai nền đỏ, Tướng Minh tưởng rằng mình đứng trước một sĩ quan cao cấp nên nói:

– Thưa quan sáu (nguyên văn: mon général ong sau), tôi đã chờ ông từ sáng để trao quyền cho ông.

– Mày (nguyên tác: tu, có thể dịch là anh, nhưng mày có lẽ đúng hơn trong hoàn cảnh này) dám nói là trao quyền à. Mày chỉ là một kẻ cướp quyền và một tên bù nhìn. Mày chẳng có quyền nào để trao cho tao cả. Chúng tao đạt được quyền bằng khẩu súng trong tay. Tao nói cho mày rõ là tao không phải là tướng mà chỉ là một trung tá ủy viên chính trị. Và kể từ bây giờ, tao cấm mày không được ngồi xuống.

Gương mặt tướng Minh co rúm lại. Giọng nói hung bạo và khinh miệt của người sĩ quan khiến ông Minh hiểu rõ là ông đang đứng trước mặt một sĩ quan miền Bắc (nguyên tác: Tonkinois) chứ không phải là người Mặt Trận miền Nam. Tướng Minh cố giữ bình tĩnh và nhẹ nhàng nói:

– Chúng tôi đã có làm sẵn một bữa cơm để tiếp các ông. Có yến, súp măng cua.

Viên trung tá xằng giọng

– Tụi bây đang ở trong tình trạng bị bắt. Hãy giữ thức ăn tư sản cho tụi bây. Chúng tao sẽ cho tụi bây ăn cơm dã chiến, một nắm cơm vắt và một hộp thịt mặn.

Tất cả các tổng trưởng hiện diện đều bị khám xét và bị bắt giam trong một phòng. Dinh Độc Lập bị tràn ngập bởi phóng viên báo chí” (Darcourt, p.209).

*** 16 giờ 30:** tướng Minh được rời khỏi phòng giam lỏng ở tầng dưới dinh Độc Lập. Một phóng viên của nhật báo Quân đội giải phóng hỏi ông

– Ông nghĩ sao về những biến cố mà ông vừa trải qua?

Ông Minh ngập ngừng giây lát rồi trả lời với ngôn ngữ tuyên truyền mà CS thường sử dụng:

“Chúng tôi đã nhận thức được sức mạnh của Chánh phủ cách mạng lâm thời và của quân đội giải phóng. Các đơn vị thiết giáp của quân giải phóng thực hùng mạnh, quân đội Saigon không thể nào đương cự được, chỉ còn có việc đầu hàng không điều kiện mà thôi...

Chúng tôi tin tưởng các ông, nếu không thì chúng tôi đâu có đem cả gia đình chúng tôi đến đây để đón các ông. Các ông đã đạt được chiến thắng một cách nhanh chóng, chúng tôi vô cùng sung sướng. Chúng tôi và gia đình chúng tôi bình yên, thật là may mắn” (Darcourt, tr. 213)

Và sau đó, các nhân vật trong nội các cuối cùng của VNCH cũng lưu hậu thế với những câu nói bất hủ.

* Ông Nguyễn Văn Huyền thì dè dặt hơn: “Chúng tôi không chấp nhận cuộc di tản. Là người VN, mình phải ở lại sống trên quê hương mình chứ”

* Ông Vũ văn Mẫu thì hớn hờ, nhảy nhót: “Các anh đánh hay lắm. Tôi rất sung sướng đã đuổi được người Mỹ ra đi. Bây giờ thì chúng ta với chúng ta mà thôi. Sau khi nhắc lại quê ông ở quận Thường Tín, phía Nam Hà Nội và chuyện ông cạo đầu phản đối ông Diệm, ông nói: Kể từ hôm nay thì tôi sẽ để tóc lại được rồi”

* Ông Nguyễn Văn Hào đưa tay lên và nói lớn: “Các anh thật đáng phục vì đã đánh bại được nước Mỹ, chúng tôi hi vọng là tài nguyên của đất nước sẽ được sử dụng để xây dựng đất nước chúng ta”. (Darcourt, tr.213)

Trong khi các chánh khách 30 của VNCH đầu hàng CS và tranh nhau nịnh bợ chánh quyền mới, trên khắp các nẻo đường đất nước, quân nhân các cấp phần uất, nhiều tướng tá tử tiết thay vì đầu hàng. Chỉ cần đan kể một vài anh hùng liệt sĩ: **các tướng Nguyễn Khoa Nam, Phạm văn Phú, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ, Trần văn Hai...**

Trong lịch sử chiến tranh, không có cuộc chiến nào để lại một khối lượng sử liệu khổng lồ, đa dạng và phức tạp như chiến tranh VN. Tại Hoa Kỳ, có ít nhất 10 đại học danh tiếng có bộ sách về chiến tranh VN trong đó trung tâm Texas Tech University được xem như quan trọng nhất. Ghi lại những biến cố chỉ trong tháng 4 từ một số tài liệu mà độc giả có thể tìm được dễ dàng trong các thư viện công cộng hay nhà sách, chúng tôi muốn nói lên bản chất dị biệt của các tài liệu qua các nguồn tư liệu và tác giả.

Sự dị biệt ít nhiều và bàng bạc qua gần 20 tài liệu mà chúng tôi tham khảo, nhưng chúng tôi chú tâm đặc biệt vào hai biên khảo-hồi ký căn bản của biến cố tháng tư viết bởi hai cộng sự viên quan trọng của Tổng Thống Thiệu là Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng quân lực VNCH và Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, cố vấn đặc biệt của Tổng thống. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên, qua lời văn tuy ôn tồn nhưng quyết

liệt, ông Viên đã dành một chương "Lời bạt" thêm vào quyển quân sử **The final Collapse** do ông soạn thảo cho Trung Tâm Quân sử lục quân Hoa Kỳ phổ biến hạn chế năm 1983 và Nguyễn Kỳ Phong chuyển ngữ với tựa đề là **Những ngày cuối cùng của VNCH**, xuất bản năm 2003, để làm sáng tỏ và đính chính một số sai lầm, thiếu sót viết về ông và về Bộ Tổng Tham Mưu do ông điều khiển mà tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng đã viết trong quyển **The Palace File** xuất bản năm 1986 và ấn bản Việt ngữ tựa là **Hồ sơ mật Dinh Độc Lập** xuất bản năm 1987.

Đa số độc giả cũng như chúng tôi không am tường các chuyện bí mật chính trị và quân sự, cho nên chuyện đúng hay sai là chuyện của các chuyên gia và nhà sử học, do đó khi chúng ta đọc những tài liệu loại này, chúng ta thường đọc bằng cảm tính qua văn phong của tác giả. Chúng ta có khuynh hướng nghiêng (tin) về người bị chỉ trích, bị hạ bệ và phản kháng (không tin) người dao to búa lớn, đại loại, tôi đã khuyên tổng thống chuyện này, can thiệp với ông đại sứ nọ... Đó là điều mà chúng tôi gọi là **đem tâm tình độc lịch sử**.

Ngoài việc viết thiếu trung thực lịch sử vì vô tình hay cố ý, một hiện tượng khác còn trầm trọng hơn là việc ngụy tạo tài liệu đã đưa độc giả đến những hiểu biết sai lệch mà điển hình là vụ quyển sách **Saigon et moi** của cựu đại sứ Pháp Jean-Marie Mérillon mà từ hàng chục năm nay, cứ đến tháng tư thì tái xuất hiện như một thứ "**cá tháng tư**" (**poisson d'Avril**).

Nhiều sách báo đã phổ biến, trích dẫn "con cá tháng tư" này như chuyện thật.

Cách đây một tháng, nhiều bạn hữu lại chuyển cho chúng tôi qua internet một bài đọc dưới dạng mp3 về một chương sách tưởng tượng trong quyển sách ngụy tạo *Saigon et moi*. Đại ý, Jean-Marie Mérillon đã dàn xếp được với Mặt Trận Giải Phóng để chấp nhận Dương Văn Minh thành lập một chánh phủ liên hiệp để thoát khỏi gọng kềm của CS miền Bắc nhưng Dương Văn Minh đã phản bội lời hứa, thay vì đi Trảng Bàng để gặp Trần Văn Trà trong toan tính này thì lại đầu hàng với hi vọng sự nhượng bộ này sẽ được CS thưởng.

Ngoài ra, bài đọc (từ bài viết) còn có những chi tiết giục gân, cảm động, đánh trúng cái khát vọng của người di tản không muốn VNCH chết một cách tức tử và oán ghét những chánh khách bất tài, xôi thịt, hèn hạ.

Tác giả của nguồn tin này (ông Vũ Hải Hồ) cho là quyển sách xuất bản năm 1985, được ra mắt ở khách sạn La Fayette với sự chứng kiến của Tổng Thống Valéry Giscard d'Estaing và nhiều nhân vật chính trị quan trọng của Pháp, nhưng sau đó mấy ngày thì bị Bộ ngoại giao tịch thu.

Lỗi giải thích quả tình phi lý vì chế độ kiểm duyệt sách báo ở các quốc gia Tây Phương là chuyện không có, còn chuyện thu hồi một quyển sách hồi ký đã xuất bản lại còn là chuyện thần thoại hơn.

Ngoài ra, trong việc phát triển bộ sách tiếng Việt và sách ngoại ngữ viết về VN cho thư viện thành phố Montréal, chúng tôi có theo dõi trong nhiều năm thời ấy trong các thư mục các nhà xuất bản trên thế giới như *Books in prints*, *Livres disponibles* để mua cho thư viện, nhưng không hề thấy tên quyển sách này.

Để chứng minh quyển *Saigon et moi* không có, GS Tiến sĩ Sử học Hoàng ngọc Thành và Bà Thân thị Nhân Đức trong tác phẩm "*Những ngày cuối cùng của Ngô Đình Diệm*",

xuất bản năm 1994, nơi trang 622 và 623 (trang 574 ấn bản năm 1996, phụ bản trong ấn bản năm 1999) có nói rõ về vấn đề này.

Nguyên là ông Hoàng Ngọc Thành khi sang Paris năm 1989 không tìm mua được quyển Saigon et moi, nên có liên lạc với ông Mérillon, lúc ấy làm đại sứ ở Moscou để hỏi rõ. Ông Mérillon đã phúc đáp GS Thành nguyên văn như sau:

République Française
Ambassade de France En URSS
L'Ambassadeur

Moscou le 12th November 1990

Dear Dr Thanh,

Your letter of the 22nd October has just reached me. I was most touched by it and very pleased to hear from you.

As far as the book «Saigon et moi» is concerned, I must make a point particularly clear. I did not write this book nor have I written any other about Vietnam; therefore the work that you are enquiring about is not mine. However, I am intrigued by this publication and should be glad to have any information relating to it.

Should I visit California, I shall not fail to take advantage of your kind invitation to a Vietnamese dinner.

Wishing your new book every success, I remain

Yours sincerely,

Jean- Marie Mérillon

(Image: <https://baovecovang2012.files.wordpress.com/2013/04/merillonletter.jpg?w=587&h=692>)

Khi viết biên khảo, các tác giả có khuynh hướng sử dụng những tài liệu trích dẫn từ những tài liệu tham khảo cấp hai hay cấp ba mà không phải từ tài liệu gốc. Sự sai lầm, nếu có, tuy đáng tiếc, nhưng vẫn có thể hiểu được vì lẽ chúng ta không thể có được trong tay tất cả các tài liệu.

Tuy nhiên, khi đã biết một tài liệu ngụy tạo mà vẫn cố tình sử dụng vì một ý đồ, hành động này không thể nào nói khác hơn là một **thứ bất lương trí thức**. Đó là trường hợp bản dịch quyển "La mort du VietNam" của tướng Vanuxem của **Dương Hiếu Nghĩa với tựa là "Nước Việt Nam Cộng Hòa bị bức tử" (Nhà xb Đại Nam, 1997)** có một phụ bản đặc biệt từ trang 194 đến trang 221 đăng lại từ tập san Đa Hiệu một chương sách ngụy tạo của Mérillon. Dịch giả đã có lời phi lộ như sau:

"Không ai tìm thấy tung tích quyển sách này ở bất cứ thư viện nào ở Pháp, kể cả Thư viện Quốc Gia Pháp ở Paris. Cũng như sau này, chính ông Mérillon đã đính chánh ông không phải là tác giả của quyển Saigon et moi hay bất cứ quyển nào khác viết về VN" (sđd, tr. 195).

Đã biết như vậy mà vẫn tiếp tục phổ biến một tài liệu ngụy tạo, chúng tôi không hiểu tác giả có ngụ ý gì nếu không đã mất trí.

Kết Luận

Hôm nay, đọc lại những tài liệu cũ về những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, chúng tôi không giữ được nổi bàng hoàng nhớ lại nổi kinh hoàng của những ngày quốc biến của 34 năm trước. Người đọc lịch sử, nhất là lịch sử của tổ quốc mình không thể vô tâm như người ngồi ở ga xe nhìn đoàn tàu đi qua, mà tùy theo cảnh ngộ, người đọc xúc động với biến cố hay suy nghĩ về biến cố.

Chẳng phải là sử gia cũng không phải là chính trị gia, đa số người Việt ngoài nước lần trong nước đều cảm nhận nổi bất hạnh của quê hương mình và dân tộc mình đã từ hơn một thế kỷ qua, luôn là mảnh đất để các cường quốc ngoại bang và các tập đoàn người Việt, nhân danh những khẩu hiệu giả ân giả nghĩa, đã thay phiên nhau xâu xé, thống trị và bóc lột một dân tộc không ngớt gánh chịu điều linh.

Nhưng nghĩ cho cùng, khi con người đã quá khổ đau, con người chỉ còn biết bám víu vào định mệnh. Nếu nước VN có một định mệnh thì định mệnh đã bắt VN của chúng ta gánh chịu quá nhiều bất hạnh từ 1945 đến nay mà cái bất hạnh lớn nhất, nguy hại nhất, là chiến tranh VN đã được điều khiển bởi một Kissinger ác cảm khinh miệt chế độ miền Nam và một tập đoàn chính trị miền Nam đa số bất tài, thối nát.

Hôm nay, lần giở lại gần hai mươi quyển hồi ký và biên khảo tiếng Việt và ngoại ngữ trong kho tài liệu khổng lồ về chiến tranh VN, nếu chúng tôi được soi sáng và được lãnh hội nhiều sự kiện và nhận định ghi lại với sự trung thực và thành khẩn đáng được xem như những sử liệu giá trị qua vài biên khảo và hồi ký, *chúng tôi lại cảm thấy bùng dậy nổi bất bình với những trang giấy viết để ca tụng mình, phe nhóm mình, nhục mạ chiến hữu mình, phe nhóm đối lập với mình.*

Tác giả những thiên hồi ký khoác lác này đa số là những người đã vinh thân trong cuộc chiến, và giờ đây, họ vẫn không còn biết giữ được chút liêm sỉ còn sót lại để im tiếng, để yên cho những người may mắn thoát chết tiếp tục sống với nỗi đau gặm nhấm. Lịch sử sẽ phải thực sự được viết lại bởi những người viết sử công chính và những quyển hồi ký man trá này sẽ phải bị chôn sâu dưới nấm mồ của những tác giả đã đánh mất lương tri.

Trong một cuộc mạn đàm với các bậc thức giả, chúng tôi có bày tỏ nỗi ưu tư là những người di tản thế hệ chúng ta không có cơ may đọc được một quyển chính sử viết về thời kỳ chúng ta đã sống. Một cụ già đã sang sàng trả lời: *"Biết làm chi nhiều hơn cho thêm cay đắng. Chúng ta chỉ cần biết rõ ràng rằng chúng ta là nạn nhân của ba sự lừa dối và phản bội, thứ nhất là của đồng minh người Mỹ của chúng ta, thứ hai là của người lãnh đạo phe quốc gia chúng ta và thứ ba là của bọn Cộng Sản Việt Nam."*

Chúng tôi chỉ biết gục đầu thắm thía lời phản nộ nhưng không dám gật đầu chấp nhận thái độ buông tay.

Chúng tôi vẫn tự hỏi, có thể nào lịch sử cận đại của một dân tộc đã phải hi sinh bao triệu người sẽ được viết bởi những kẻ lừa dối và phản bội?

© Giáo Sư Lâm Văn Bé (Montréal) & © Diễn Đàn Người Dân Vietnam
Post on Apr 22, 2013 by [Le Thy](https://baovecovang2012.wordpress.com) @ <https://baovecovang2012.wordpress.com>

Sách tham khảo chính yếu:

— Bùi Diễm. Gọng kềm lịch sử. Paris: Cơ sở xb Phạm Quang Khai, 2000. (Expanded version of The Jaws of History).

- Cao Văn Viên. Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, dịch từ The Final Collapse
- Nguyễn Kỳ Phong. Centreville (Virginia): Vietnambibliography, 2003
- Darcourt, Pierre. Vietnam, qu'as-tu fait de tes fils. — Paris: Albatros, 1975.
- Hoàng Đông. Niên biểu lịch sử VN, thời kỳ 1945-1975. California: Đại Nam 2005.
- Hoàng ngọc Thành & Thân thị Nhân Đức. Những ngày cuối cùng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm (ấn bản lần thứ ba) – San José: Quang Vinh, 1999.
- Karnow Stanley. Vietnam: a history.–New York: Viking, 1983.
- Kissinger, Henry, Ending the VN war.–New York: Simon&Schuster, 2003.
- Lartéguy, Jean. L'adieu à Saigon. — Paris: Presses de la Cité, 1975.
- Lý Quý Chung, Hồi ký không tên. — TpHCM: Nhà xb Trẻ, 2004.
- Nesson, Ron. It sure looks different from the inside. — Chicago: Playboy Press, 1978.
- Nguyễn Bá Cẩn. Đất nước tôi. –San Jose: Hoa Hao Press, 2003.
- Nguyễn Khắc Ngữ. Những ngày cuối cùng của VNCH. — Montréal: Tủ sách Nghiên cứu Sử Địa, 1979.
- Nguyễn Hữu An. Chiến trường mới. – Hanoi: Nxb Quân đội nhân dân, 2001
- Nguyễn Tiến Hưng. Khi đồng minh tháo chạy. – San Jose: Cơ sở xb Hứa Chấn Minh, 2005.
- Nguyễn Tiến Hưng. Hồ sơ mật Dinh Độc Lập.
- Snapp, Frank. Sauve qui peut. – Paris: Éditions Balland, 1979 (dịch từ: Decent Interval.– New York:Random House, 1977).
- Terzani, Tiziano. La chute de Saigon, 30 avril 1975. – Paris: Fayard, 1977.
- Todd, Olivier. La chute de Saigon: Cruel Avril. Paris: Laffont, 2005.
- Trần Đông Phong. Việt Nam Cộng Hòa, 10 ngày cuối cùng. – California: Nam Việt, 2006.
- Trần Văn Đôn. Việt Nam nhân chứng. — California: Xuân Thu, 1989.